

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025

Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 2172/QĐ/HCBCTT-ĐT ngày 18/4/2025 của Giám đốc Học viện)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

2. Mã trường: HBT.

3. Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://ajc.hcma.vn/>

Chuyên trang Tuyển sinh và Đào tạo: <https://daotaoajc.edu.vn/>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0912.613.584/ 0915.054.888/ 0972.454.027/
0968.645.468/ 0975.868.989.

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; Thông tin tuyển sinh:

- Trang thông tin điện tử của Học viện: <http://ajc.hcma.vn/>

- Chuyên trang Tuyển sinh và Đào tạo: <https://daotaoajc.edu.vn/>

7. Địa chỉ công khai thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

- Trang thông tin điện tử của Học viện: <http://ajc.hcma.vn/>

- Trang ba công khai: <https://ajc.edu.vn/chuyen-muc/site-cong-khai-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-giao-duc-360.htm>

- Chuyên trang Tuyển sinh và Đào tạo: <https://daotaoajc.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; đạt yêu cầu xét tuyển theo quy định của Học viện về học lực, hạnh kiểm bậc THPT; có đủ thông tin các nhân.

- Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Học viện báo chí và Truyền thông xét tuyển đại học chính quy 4 nhóm ngành theo 4 phương thức như sau:

2.1. Các nhóm ngành tuyển sinh tại Học viện

Nhóm 1 gồm các ngành:

- Ngành Báo chí, gồm 6 chuyên ngành: Báo in; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử;

- Ngành Xuất bản, gồm 2 chuyên ngành: Biên tập xuất bản, Xuất bản điện tử.

Nhóm 2 gồm các ngành:

- Ngành Triết học; Ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học; Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Ngành Quản lý công; Ngành Quản lý nhà nước; Ngành Công tác xã hội; Ngành Xã hội học; Ngành Kinh tế chính trị; Ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế;

- Ngành Chính trị học, gồm 4 chuyên ngành: Công tác tư tưởng - văn hóa; Chính trị phát triển; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Truyền thông chính sách;

Nhóm 3: Ngành Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nhóm 4 gồm các ngành:

- Ngành Truyền thông quốc tế; Ngành Quảng cáo; Ngành Ngôn ngữ Anh; Ngành Truyền thông đại chúng; Ngành Truyền thông đa phương tiện;

- Ngành Quan hệ quốc tế, gồm 3 chuyên ngành: Thông tin đối ngoại; Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế; Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu;

- Ngành Quan hệ công chúng, gồm 2 chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp; Truyền thông marketing,

2.2. Các phương thức xét tuyển

2.2.1. Xét học bạ:

Xét tuyển kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT theo tổ hợp của các nhóm ngành.

- Đối với nhóm ngành 1, nhóm ngành 3 và nhóm ngành 4: Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm ba môn theo tổ hợp xét tuyển sau khi đã nhân hệ số + Điểm ưu tiên /khuyến khích x 4/3 (nếu có).

- Đối với nhóm ngành 2: Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm ba môn theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Bảng tổ hợp môn xét tuyển theo nhóm ngành xem ở mục 2.2.3

2.2.2. Xét tuyển kết hợp: Xét tuyển đối với thí sinh có chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600, điểm TBC học tập các môn Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử của 6 học kỳ bậc THPT từ 7,0 trở lên, hạnh kiểm của bậc THPT xếp loại Tốt. Thí sinh xét tuyển các ngành thuộc nhóm 1: điểm TBC 6 học kỳ môn Ngữ văn THPT đạt tối thiểu 7,0 trở lên; Thí sinh xét tuyển ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản thuộc nhóm 1, ngành Xã hội học thuộc nhóm 2 và các ngành thuộc nhóm 4: điểm TBC học tập 6 học kỳ môn Tiếng Anh THPT đạt tối thiểu 7,0 trở lên.

- Đối với các ngành thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 4: Xét tuyển chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600 kết hợp với kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT các môn như sau:

CHỨNG CHỈ (hệ số 2) + Ngữ văn + Toán học + Điểm ưu tiên/khuyến khích
(nếu có)

- Đối với các ngành thuộc nhóm 3: Xét tuyển chứng chỉ quốc tế môn tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên, chứng chỉ SAT tối thiểu 1200/1600 kết hợp với kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT các môn như sau:

CHỨNG CHỈ (hệ số 2) + Ngữ văn + Lịch sử + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có)

Lưu ý: Điểm quy đổi chứng chỉ theo Bảng quy đổi điểm chứng chỉ SAT đối với phương thức xét kết hợp và cộng điểm khuyến khích đối với phương thức xét tuyển học bạ ở Mục 5.2

2.2.3. Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT

Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp của từng nhóm ngành đào tạo, cụ thể như sau:

- Đối với các ngành, chuyên ngành thuộc nhóm 2 không có môn nhân hệ số: Điểm xét tuyển (thang điểm 30) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm ba môn thi/bài thi theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm ưu tiên/khuyến khích (nếu có).

- Đối với các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm 1 có môn Ngữ văn, nhóm 3 có môn Lịch sử và nhóm 4 có môn tiếng Anh nhân hệ số 2: Điểm xét tuyển (thang điểm 40) được xác định như sau:

Điểm xét tuyển (làm tròn đến 2 chữ số thập phân) = Tổng điểm ba môn thi sau khi đã nhân hệ số theo tổ hợp đã đăng ký + Điểm ưu tiên /khuyến khích x 4/3 (nếu có).

Học viện chấp nhận quy đổi điểm môn tiếng Anh đối với những thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh và được quy định mức quy đổi cụ thể tại Mục 8.2. Điểm tiếng Anh quy đổi sẽ được kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT thành tổ hợp môn xét tuyển. Phương thức xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp môn xét tuyển như tổ hợp như sau:

Bảng Tổ hợp môn xét tuyển dành cho phương thức xét học bạ và xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

Nhóm ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
Nhóm ngành 1	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Toán học
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Tin học
	- NGỮ VĂN (hệ số 2), Tiếng Anh, Lịch sử
Nhóm ngành 2	- Ngữ văn, Toán học, Tiếng Anh
	- Ngữ văn, Toán học, Tin học
	- Ngữ văn, Toán học, Lịch sử
	- Ngữ văn, Toán học, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
Nhóm	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Tiếng Anh

ngành 3	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Toán học
	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Tin học
	- Ngữ văn, LỊCH SỬ (hệ số 2), Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
Nhóm ngành 4	- Ngữ văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Toán học
	- Ngữ Văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Tin học
	- Ngữ Văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
	- Ngữ Văn, TIẾNG ANH (hệ số 2), Lịch sử

2.2.4. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Điểm trúng tuyển: Điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển (trừ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển) được quy đổi sang thang điểm 30 đối với các ngành thuộc nhóm 2 và quy đổi sang thang 40 đối với các ngành thuộc nhóm 1, nhóm 3 và nhóm 4.

- Ngưỡng đầu vào: Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra đối với các phương thức xét tuyển riêng của Học viện, ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng ngành/chuyên ngành.

Thời gian Học viện công bố quy tắc quy đổi tương đương muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành/chuyên ngành

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành/ chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành/chuyên ngành	Chỉ tiêu
1	301	Báo chí, chuyên ngành Báo in	602	50
	100			
	200			
	410			

2	301	Báo chí, chuyên ngành Báo phát thanh	604	50
	100			
	200			
	410			
3	301	Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình	605	90
	100			
	200			
	410			
4	301	Báo chí, chuyên ngành Báo mạng điện tử	607	90
	100			
	200			
	410			
5	301	Báo chí, chuyên ngành Ảnh báo chí	603	40
	100			
	200			
	410			
6	301	Báo chí, chuyên ngành Quay phim truyền hình	606	40
	100			
	200			
	410			
7	301	Truyền thông đại chúng	7320105	100
	100			
	200			
	410			
8	301	Truyền thông đa phương tiện	7320104	150
	100			
	200			
	410			
9	301	Triết học	7229001	40
	100			
	200			
	410			

10	301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	40
	100			
	200			
	410			
11	301	Kinh tế chính trị	7310102	40
	100			
	200			
	410			
12	301	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	527	150
	100			
	200			
	410			
13	301	Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng - văn hóa	530	100
	100			
	200			
	410			
14	301	Chính trị học, chuyên ngành Chính trị phát triển	531	50
	100			
	200			
	410			
15	301	Chính trị học, chuyên ngành Tư tưởng Hồ Chí Minh	533	40
	100			
	200			
	410			
16	301	Chính trị học, chuyên ngành Truyền thông chính sách	538	50
	100			
	200			
	410			
17	301	Quản lý nhà nước	532	100
	410			

	100			
	200			
	410			
18	301	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	90
	100			
	200			
	410			
19	301	Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản	801	50
	100			
	200			
	410			
20	301	Xuất bản, chuyên ngành Xuất bản điện tử	802	50
	100			
	200			
	410			
21	301	Xã hội học	7310301	50
	100			
	200			
	410			
22	301	Công tác xã hội	7760101	50
	100			
	200			
	410			
23	301	Quản lý công	7340403	90
	100			
	200			
	410			
24	301	Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7229010	40
	100			
	200			
	410			

25	301	Truyền thông quốc tế	7320107	50
	100			
	200			
	410			
26	301	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Thông tin đối ngoại	610	50
	100			
	200			
	410			
27	301	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế	611	50
	100			
	200			
	410			
28	301	Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu	614	40
	100			
	200			
	410			
29	301	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp	615	50
	100			
	200			
	410			
30	301	Quan hệ công chúng, chuyên ngành Truyền thông marketing	616	80
	100			
	200			
	410			
31	301	Quảng cáo	7320110	40
	100			
	200			
	410			
32	301	Ngôn ngữ Anh	7220201	50
	100			

	200			
	410			

5. Các thông tin cần thiết khác

5.1. Các điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển

a. Thí sinh dự tuyển các phương thức xét tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có TBC kết quả học tập các môn Toán học, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Lịch sử lớp 10, lớp 11 và lớp 12 bậc THPT đạt 6,5 trở lên;
- Hạnh kiểm năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 bậc THPT được đánh giá mức Khá trở lên;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.
- Thí sinh dự tuyển các ngành/chuyên ngành đào tạo giảng viên lý luận chính trị (Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) không nói ngọng, nói lắp.
- Thí sinh dự tuyển chuyên ngành Quay phim truyền hình phải có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh, dị tật về mắt, ngoại hình phù hợp (nam cao 1m62, nữ cao 1m58 trở lên).
- Thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp vào ngành Báo chí, ngành Xuất bản thuộc nhóm 1: điểm TBC 6 học kỳ môn Ngữ văn THPT đạt từ 7,0 trở lên.
- Thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp vào các ngành/chuyên ngành thuộc nhóm ngành 4, ngành Xã hội học thuộc nhóm ngành 2, ngành Xuất bản, chuyên ngành Biên tập xuất bản thuộc nhóm ngành 1: điểm TBC 6 học kỳ môn tiếng Anh THPT đạt từ 7,0 trở lên.

Thí sinh chịu trách nhiệm về điều kiện nộp hồ sơ (kết quả học tập, hạnh kiểm) theo quy định của Học viện. Trong trường hợp thí sinh đạt điểm xét tuyển nhưng không đáp ứng yêu cầu về điều kiện nộp hồ sơ, Học viện không công nhận trúng tuyển.

Sau khi trúng tuyển, nhà trường sẽ tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên. Sinh viên trúng tuyển nếu không đáp ứng các quy định nêu trên sẽ được chuyển sang ngành khác của Học viện có điểm trúng tuyển tương đương.

Học viện nhận hồ sơ xét tuyển học bạ đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT các